

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam;
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.Hồ Chí Minh.

1- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

- Mã chứng khoán: REE
- Địa chỉ: 364 Cộng Hòa, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 84-28-38100017 Fax: 84-28-38100337
- Email: ree@reecorp.com Website: www.reecorp.com

2- Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh trân trọng công bố:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026.
- Thông báo thay đổi nhân sự thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027.

3- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10 tháng 07 năm 2026 tại đường dẫn <https://www.reecorp.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ;
- Thông báo thay đổi nhân sự.

Nguyễn Ngọc Thái Bình

Số: 04/2026/ĐHĐCĐ-REE

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2026

NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

V/v: Thông qua các tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026
tổ chức ngày 10/07/2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 ngày 10/07/2026.

QUYẾT NGHỊ

Thứ 1: Miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027 đối với bà Nguyễn Thị Mai Thanh và ông Ashok Ramachandran kể từ thời điểm kết thúc Đại hội đồng cổ đông ngày 10/07/2026.

Thứ 2: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua những nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung
1	Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT 1. Số lượng thành viên HĐQT là 07 (bảy) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 (năm) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải đảm bảo ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT độc lập. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT 1. Số lượng thành viên HĐQT tối thiểu là 05 (năm) người và tối đa là bảy (07) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 (năm) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải đảm bảo ít nhất 01 (một) thành viên HĐQT độc lập nếu HĐQT có 05 (năm) thành viên và tối thiểu là 02 (hai) thành viên HĐQT độc lập nếu HĐQT có trên 05 (năm) đến 07 (bảy) thành viên. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Số thành viên HĐQT không điều hành tối thiểu 01 (một) thành viên nếu HĐQT có 05 (năm) thành viên, và tối thiểu là 02 (hai)

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung
		thành viên nếu HĐQT có trên 05 (năm) đến 07 (bảy) thành viên.
2	Điều 29. Các tiểu ban thuộc HĐQT 5. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.	Điều 29. Các tiểu ban thuộc HĐQT 5. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch tiểu ban đó.
3	Điều 58. Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm 58 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh nhất trí sửa đổi, bổ sung và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này tại ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 03 năm 2026. 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị./.	Điều 58. Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm 58 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh nhất trí sửa đổi, bổ sung và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này tại ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 07 năm 2026. 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật Công ty./.

Thứ 3: Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua những nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị như sau:

1- Bổ sung Điều 3.18 Mục D:

- 3.18 HĐQT thành lập Ủy ban Chiến lược (“UBCL”) với tư cách là cơ quan tham mưu, tư vấn và phản biện cấp cao nhất cho HĐQT và BDH. Chủ tịch UBCL do HĐQT bổ nhiệm, có thể là Thành viên HĐQT hoặc cá nhân, chuyên gia khác có uy tín, có năng lực chuyên môn đặc biệt hoặc có nhiều đóng góp trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty và Nhóm Công ty. Trách nhiệm của UBCL được quy định như sau:
- 3.18.1 Tư vấn và hỗ trợ HĐQT và BDH trong việc lập kế hoạch và hoạch định chiến lược toàn diện của Công ty ở cấp toàn Nhóm Công ty và các công ty thành viên, bao gồm tầm nhìn, sứ mệnh, các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn; đồng thời định hướng xây dựng các chính sách quản trị tài chính, huy động vốn và đầu tư của Công ty.
 - 3.18.2 Giám sát việc thực hiện các chiến lược và chính sách đã được HĐQT phê duyệt.
 - 3.18.3 Tư vấn và hỗ trợ HĐQT xây dựng các chính sách nhằm nâng cao năng lực tài chính, vốn, đầu tư và các chính sách cổ tức.
 - 3.18.4 Thực hiện chức năng thẩm định và phản biện chuyên sâu đối với các vấn đề trọng yếu trước khi trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ phê duyệt. Các vấn đề này bao gồm: thay đổi các mục tiêu, định hướng, chiến lược kinh doanh quan trọng, triển khai loại hình kinh doanh mới, sửa đổi Điều lệ, các giao dịch mua bán và sáp nhập (M&A) và các dự án đầu tư hoặc các quyết định thay đổi vốn điều lệ, phát hành cổ phần, chứng quyền, hoặc phân loại lại chứng khoán, cơ cấu tổ chức của Công ty ...
 - 3.18.5 Chủ tịch UBCL chịu trách nhiệm về hoạt động của UBCL. Chủ tịch UBCL được quyền tham dự tất cả các phiên họp định kỳ và bất thường của ĐHĐCĐ, HĐQT, BDH và đề trình báo cáo, phát biểu ý kiến, tham luận và tư vấn đối với các nội dung liên quan đến chiến lược, đầu tư, mua bán sáp nhập (M&A) và phân bổ nguồn lực của Công ty.
 - 3.18.6 UBCL ban hành quy chế hoạt động để quy định chi tiết thẩm quyền, cơ cấu, và quy trình hoạt động trình HĐQT phê duyệt.
 - 3.18.7 Nhiệm kỳ của các thành viên UBCL theo nhiệm kỳ của HĐQT.
 - 3.18.8 Các nhiệm vụ, quyền hạn khác của UBCL được quy định tại Quy chế hoạt động của UBCL.

2- Sửa đổi Điều 4.1 Phần IV và Phần IX:

Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung
IV. NHIỆM KỲ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HĐQT 4.1 Hội đồng quản trị có bảy (07) thành viên.	IV. NHIỆM KỲ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HĐQT 4.1 Hội đồng quản trị có tối thiểu năm (05) thành viên và tối đa là bảy (07) thành viên.
IX. QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÔNG TY THÀNH VIÊN 9.1 HĐQT của Công ty mẹ đóng vai trò dẫn dắt quản trị Nhóm Công ty một cách hiệu quả, bao gồm hoạt động quản trị tại các Công ty thành viên. 9.1.1 Để bảo đảm việc quản trị hiệu quả ở cấp độ Nhóm Công ty, REE Corporation xác định cấu trúc Nhóm Công ty, phân công thẩm quyền trong Nhóm Công ty một cách phù hợp dựa trên cơ sở: (i) Xem xét việc tách một đơn vị kinh doanh trong Nhóm Công ty thành một đơn vị có tư cách pháp nhân riêng như là Công ty thành viên hay duy trì như là một đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ. Quyết định này dựa trên cơ sở xem xét các yếu tố như quản lý rủi ro, xác định bộ phận chịu trách nhiệm, tính linh hoạt và nhanh chóng trong việc ra quyết định, chi phí phát sinh và các yếu tố khác có liên quan. (ii) Hướng tới sự cân bằng giữa việc tập trung hóa, duy trì kiểm soát tại Công ty mẹ và phân quyền cho các Công ty thành viên. (iii) Bảo đảm tối ưu hóa trong nguồn lực tài chính và kinh doanh để tạo ra giá trị lớn hơn cho Nhóm Công ty thay vì đơn thuần là các giá trị cộng gộp từ các Công ty thành viên trong Nhóm Công ty. 9.1.2 Thực thi việc giám sát hoạt động một cách phù hợp tại các Công ty thành viên: (i) Chiến lược chung của Nhóm Công ty, triết lý quản lý, các giá trị và quy tắc ứng xử trong Nhóm Công ty được chia sẻ đến các Công ty thành viên. Nhân viên quản lý cấp cao tại Công ty thành viên cần thường xuyên truyền đạt những thông điệp này trực tiếp cho nhân viên. (ii) Hướng dẫn xây dựng chính sách Nhóm Công ty và thủ tục cho các vấn đề then chốt (như thương hiệu, các vấn đề liên quan đến môi trường, xã hội, thủ tục kiểm soát, chính sách kế toán, tuân thủ và các vấn đề khác). (iii) Việc giám sát và quản lý Công ty thành viên dựa theo nguyên tắc tiếp cận dựa trên rủi ro (nghĩa là, đánh giá rủi ro của từng Công ty thành viên theo quy mô và lĩnh vực kinh doanh mà công ty đó hoạt động).	IX. QUẢN TRỊ NHÓM CÔNG TY 9.1 Định nghĩa Theo mục đích của Phần IX này, các thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau: 9.1.1 “Người đại diện vốn” có nghĩa là cá nhân được bổ nhiệm để đại diện cho phần vốn đầu tư của Công ty mẹ tại một công ty trong Nhóm Công ty. 9.1.2 “Nhóm Công ty” có nghĩa là Công ty mẹ và từng công ty con do Công ty mẹ sở hữu toàn bộ, các công ty bị kiểm soát và các công ty liên kết. Mỗi thực thể trong Nhóm Công ty được gọi là một công ty trong Nhóm Công ty, và gọi chung là các công ty trong Nhóm Công ty. 9.1.3 “Người được đề cử” có nghĩa là cá nhân do Công ty mẹ bổ nhiệm hoặc đề cử làm Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc/giám đốc, thành viên ban kiểm soát tại Công ty thành viên hoặc giữ bất kỳ chức danh quản lý nào tại một Công ty thành viên. 9.1.4 “Công ty mẹ” có nghĩa REE Corporation. 9.2 Mối quan hệ giữa Công ty mẹ và các Công ty thành viên trong Nhóm Công ty 9.2.1 HĐQT Công ty mẹ lãnh đạo hiệu quả công tác quản trị của Nhóm Công ty, bao gồm cả việc quản trị các Công ty thành viên. 9.2.2 Nhằm đảm bảo công tác quản trị hiệu quả tại Nhóm Công ty, Công ty mẹ xác định cơ cấu của Nhóm Công ty và phân cấp thẩm quyền phù hợp trong nội bộ Nhóm Công ty trên cơ sở: (i) Xem xét việc tách một đơn vị kinh doanh trong Nhóm Công ty thành một đơn vị có tư cách pháp nhân riêng như là Công ty thành viên hay duy trì như là một đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ. Quyết định này dựa trên cơ sở xem xét các yếu tố như quản lý rủi ro, xác định bộ phận chịu trách nhiệm, tính linh hoạt và nhanh chóng trong việc ra quyết định, chi phí phát sinh và các yếu tố khác có liên quan.

Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung
(iv) Xem xét phân cấp quyền ra quyết định từ Công ty mẹ cho các Công ty thành viên. Đồng thời có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT chuyên trách của Công ty mẹ làm thành viên HĐQT tại các Công ty con để đảm bảo hiệu quả quản lý và giám sát. (v) Tổ chức các cuộc họp thường xuyên giữa đại diện Công ty mẹ và các Công ty thành viên để nắm bắt tình hình thực hiện mục tiêu và kết quả hoạt động. Bảo đảm trao đổi chủ động giữa các BDH tại Công ty mẹ và Công ty thành viên. HĐQT Công ty mẹ chịu trách nhiệm giám sát tính thường xuyên và hiệu quả trong các trao đổi này. (vi) Công ty thành viên báo cáo đầy đủ và phù hợp lên Công ty mẹ: Các Công ty thành viên thiết lập khung báo cáo nội bộ thích hợp, đầy đủ, kịp thời và chính xác trên cơ sở Công ty mẹ có toàn quyền truy cập vào hệ thống thông tin tại Công ty thành viên, được đảm bảo thông tin liên lạc liên tục, cung cấp một cách có tổ chức. Trên cơ sở khung báo cáo nội bộ, Công ty mẹ xác định trước các thông tin quan trọng, không giới hạn trong các thông tin hoạt động chính và tần suất của các thông tin này. (vii) Công ty mẹ có quyền quyết định bổ nhiệm/đề cử các thành viên HĐQT làm thành viên HĐQT tại các Công ty thành viên. Đồng thời HĐQT của Công ty mẹ có quyền quyết định bổ nhiệm các thành viên quản lý cấp cao của Công ty mẹ làm thành viên HĐQT/HĐTV/KBS và các vị trí khác trong BDH tại các Công ty thành viên. 9.1.3 Quản lý danh mục kinh doanh trong Nhóm Công ty một cách phù hợp: (i) Nhóm Công ty và Công ty mẹ tập trung xem xét: xây dựng tiêu chuẩn cho một khoản đầu tư mới (bao gồm giao dịch mua bán và sáp nhập), thời gian đánh giá dự án, quyết định rút khỏi hoạt động kinh doanh không hiệu quả và không phải là cốt lõi; và làm rõ đơn vị, quy trình cần được đánh giá. (ii) HĐQT Công ty mẹ phê duyệt các quyết định thành lập mới hoặc mua lại để sở hữu công ty khác, đặc biệt với các quyết định liên quan đến mua lại chiến lược, tham gia vào ngành kinh doanh mới của Nhóm Công ty. 9.1.4 HĐQT Công ty mẹ đóng vai trò giám sát việc thực hiện quản lý rủi ro và khủng hoảng: (i) Giám sát việc xây dựng hệ thống quản lý rủi ro trong toàn Nhóm Công ty, với các biện pháp cụ thể như hướng dẫn xây dựng quy	(ii) Hướng tới sự cân bằng giữa việc tập trung hóa, duy trì kiểm soát tại Công ty mẹ và phân quyền cho các Công ty thành viên. (iii) Bảo đảm tối ưu hóa trong nguồn lực tài chính và kinh doanh để tạo ra giá trị lớn hơn cho Nhóm Công ty thay vì đơn thuần là các giá trị cộng gộp từ các Công ty thành viên trong Nhóm Công ty. 9.2.3 Để thực thi việc giám sát một cách phù hợp các hoạt động tại các Công ty thành viên, HĐQT Công ty mẹ: (i) Chiến lược chung của Nhóm Công ty, triết lý quản lý, các giá trị và quy tắc ứng xử trong Nhóm Công ty được chia sẻ đến các Công ty thành viên. Nhân viên quản lý cấp cao tại Công ty thành viên cần thường xuyên truyền đạt những thông điệp này trực tiếp cho nhân viên. (ii) Hướng dẫn xây dựng chính sách Nhóm Công ty và thủ tục cho các vấn đề then chốt (như thương hiệu, các vấn đề liên quan đến môi trường, xã hội, thủ tục kiểm soát, chính sách kế toán, tuân thủ và các vấn đề khác). (iii) Việc giám sát và quản lý Công ty thành viên dựa theo nguyên tắc tiếp cận dựa trên rủi ro (nghĩa là, đánh giá rủi ro của từng Công ty thành viên theo quy mô và lĩnh vực kinh doanh mà công ty đó hoạt động). (iv) Xem xét phân cấp quyền ra quyết định từ Công ty mẹ cho các Công ty thành viên; bổ nhiệm các Người đại diện vốn để đại diện cho phần vốn đầu tư của Công ty mẹ tại các Công ty trong Nhóm Công ty; và/hoặc bổ nhiệm hoặc đề cử các Người được đề cử làm Chủ tịch hoặc thành viên hội đồng quản trị, Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc/Giám đốc, thành viên ban kiểm soát tại các Công ty thành viên hoặc giữ bất kỳ chức danh quản lý nào tại một Công ty thành viên nhằm đảm bảo công tác quản lý và giám sát hiệu quả. (v) Tổ chức các cuộc họp thường xuyên giữa đại diện Công ty mẹ và các Công ty thành viên để nắm bắt tình hình thực hiện mục tiêu và kết quả hoạt động. Bảo đảm trao đổi chủ động giữa các BDH tại Công ty mẹ và Công ty thành viên. HĐQT Công ty mẹ chịu trách nhiệm giám sát

Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung
tắc nội bộ, hạ tầng thông tin, quy tắc tuân thủ văn hóa Nhóm Công ty và triết lý quản lý. (ii) Quản lý cấp cao tại Công ty mẹ thường xuyên phổ biến thông điệp về văn hóa quản trị trong Nhóm Công ty và tính tuân thủ. (iii) Soát xét kênh báo cáo trực tiếp về pháp lý và tuân thủ giữa Công ty thành viên và Công ty mẹ, tách biệt với kênh báo cáo hoạt động kinh doanh thông thường để đảm bảo tính độc lập. (iv) Bảo đảm kênh báo cáo độc lập của bộ phận kiểm toán nội bộ trực tiếp đến HĐQT thông qua UBKT của Công ty mẹ. Xác định cơ chế kiểm toán nội bộ tại Công ty thành viên một cách phù hợp trên cơ sở kiểm toán nội bộ của Công ty mẹ trực tiếp thực hiện các cuộc kiểm toán tại Công ty thành viên. (v) Dưới sự giám sát của HĐQT Công ty mẹ, BDH các Công ty thành viên chịu trách nhiệm xây dựng quy trình quản lý, xử lý khủng hoảng. HĐQT của Công ty thành viên phải chịu trách nhiệm chính về các vấn đề tuân thủ và quy định liên quan đến khủng hoảng xảy ra tại Công ty thành viên đó; tuy nhiên, Công ty mẹ giữ vai trò dẫn dắt trong việc xây dựng các biện pháp khắc phục để ngăn chặn sự tái diễn ở cấp độ Nhóm Công ty.	tính thường xuyên và hiệu quả trong các trao đổi này. (vi) Thiết lập và duy trì khung báo cáo nội bộ để đảm bảo kênh báo cáo phù hợp, đầy đủ, kịp thời và chính xác giữa các Công ty thành viên và Công ty mẹ. Các Công ty thành viên phải báo cáo cho HĐQT Công ty mẹ và HĐQT Công ty mẹ có quyền truy cập thông tin về tất cả các khía cạnh trọng yếu của các Công ty thành viên một cách liên tục và có tổ chức. HĐQT Công ty mẹ xác định trước các danh mục thông tin quan trọng mà các Công ty thành viên phải báo cáo, tần suất và thời hạn của các báo cáo đó. Các danh mục thông tin quan trọng có thể bao gồm, nhưng không giới hạn ở những thông tin sau: • thông tin chính liên quan đến tài chính và kế toán của các Công ty thành viên; • thông tin chính liên quan đến hoạt động kinh doanh và vận hành của các Công ty thành viên; • thông tin chính liên quan đến các dự án và kế hoạch đầu tư của các Công ty thành viên; • tất cả thông tin và tài liệu cần đệ trình lên các cơ quan quản trị của các Công ty thành viên để ra quyết định hoặc phê duyệt; • bất kỳ thông tin nào liên quan đến bất kỳ sự kiện, diễn biến hoặc hoàn cảnh nào đã, đang hoặc có thể có tác động bất lợi đến hoạt động, tình hình tài chính hoặc các nghĩa vụ tuân thủ của các Công ty thành viên. 9.2.4 HĐQT Công ty mẹ quản lý danh mục kinh doanh của Nhóm Công ty bằng cách: (i) Xây dựng các tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá đối với các khoản đầu tư mới, bao gồm các hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A); và quyết định việc rút vốn hoặc thoái vốn khỏi các hoạt động kinh doanh không hiệu quả hoặc không cốt lõi của Nhóm Công ty và phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của HĐQT Công ty mẹ trước khi Công ty trong Nhóm Công ty ra bất kỳ quyết định nào đối với các vấn đề này. (ii) Phê duyệt tất cả các quyết định về việc thành lập hoặc mua lại phần vốn góp/cổ phần tại bất kỳ Công ty thành viên nào

Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung
	trong Nhóm Công ty, và việc bất kỳ Công ty thành viên tham gia vào các lĩnh vực kinh doanh hoặc thị trường mới và phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của HĐQT Công ty mẹ trước khi Công ty trong Nhóm Công ty ra bất kỳ quyết định nào đối với các vấn đề này. (iii) Giám sát và quản lý việc sử dụng vốn đầu tư của Công ty mẹ tại các Công ty thành viên, bao gồm thông qua việc: • phân công nhiệm vụ và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các Người đại diện vốn và Người được đề cử của Công ty mẹ tại các Công ty thành viên; • yêu cầu Người đại diện vốn và Người được đề cử thông báo cho HĐQT Công ty mẹ bất kỳ thông tin trọng yếu nào họ nhận được khi thực hiện nhiệm vụ tại các Công ty thành viên và bất kỳ thông tin nào khác theo yêu cầu cụ thể của HĐQT Công ty mẹ; • yêu cầu Người đại diện vốn và Người được đề cử phải tham vấn và/hoặc xin phê duyệt trước từ HĐQT Công ty mẹ trước khi thực hiện quyền biểu quyết hoặc ra quyết định tại các Công ty thành viên đối với các vấn đề được quy định tại Điều lệ, Quy chế về thẩm quyền phê duyệt và Quy chế đề cử nhân sự của Hội đồng quản trị Công ty mẹ và bất kỳ vấn đề nào khác theo yêu cầu cụ thể của HĐQT Công ty mẹ. Người đại diện vốn phải thông báo trước cho HĐQT Công ty mẹ tối thiểu 05 ngày làm việc để HĐQT Công ty mẹ xem xét các vấn đề liên quan. 9.2.5 HĐQT Công ty mẹ giám sát việc thực hiện quản trị rủi ro và xử lý khủng hoảng trên toàn Nhóm Công ty bằng cách: (i) Giám sát việc xây dựng hệ thống quản trị rủi ro trên toàn Nhóm Công ty, bao gồm các biện pháp cụ thể như hướng dẫn xây dựng quy tắc nội bộ, hạ tầng thông tin, và các quy tắc về văn hóa tuân thủ cũng như triết lý quản lý. (ii) Đảm bảo rằng các quản lý cấp cao tại Công ty mẹ thường xuyên phổ biến các thông điệp về văn hóa quản trị doanh nghiệp và sự tuân thủ đến toàn Nhóm Công ty. (iii) Duy trì và đánh giá kênh báo cáo trực tiếp về pháp lý và tuân thủ giữa các Công

Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung
	ty thành viên và Công ty mẹ, tách biệt với kênh báo cáo kinh doanh thông thường, nhằm đảm bảo tính độc lập. (iv) Đảm bảo rằng bộ phận kiểm toán nội bộ có kênh báo cáo độc lập trực tiếp lên HĐQT Công ty mẹ thông qua UBKT của Công ty mẹ; xác định cơ chế kiểm toán nội bộ tại các Công ty thành viên, bao gồm các trường hợp mà bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty mẹ trực tiếp thực hiện kiểm toán tại các Công ty thành viên. (v) Yêu cầu ban giám đốc của các Công ty thành viên, dưới sự giám sát của HĐQT Công ty mẹ, xây dựng các quy trình quản lý và xử lý khủng hoảng. Mặc dù hội đồng quản trị hoặc cơ quan quản trị tương đương của các Công ty thành viên chịu trách nhiệm chính đối với các vấn đề tuân thủ và việc quản lý các khủng hoảng xảy ra tại các công ty đó, Công ty mẹ sẽ giữ vai trò chủ đạo trong việc xây dựng các biện pháp khắc phục nhằm ngăn ngừa việc tái diễn trên toàn Nhóm Công ty.

Thứ 4: Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua những nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty như sau:

Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung
Điều 14. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Số lượng thành viên HĐQT là 07 (bảy) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 (năm) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải đảm bảo ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT độc lập. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Số thành viên HĐQT không điều hành tối thiểu 02 thành viên.	Điều 14. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Hội đồng quản trị có tối thiểu năm (05) thành viên và tối đa là bảy (07) thành viên. Nhiệm kỳ của HĐQT là (05) năm năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 (năm) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải đảm bảo ít nhất 01 (một) thành viên HĐQT độc lập nếu HĐQT có 05 (năm) thành viên và tối thiểu là 02 (hai) thành viên HĐQT độc lập nếu HĐQT có trên 05 (năm) đến 07 (bảy) thành viên. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Số thành viên HĐQT không điều hành tối thiểu 01 (một) thành viên nếu HĐQT có 05 (năm) thành viên và tối thiểu là 02 (hai) thành viên nếu HĐQT có trên 05 (năm) đến 07 (bảy) thành viên.

Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung
Điều 29. Các tiểu ban thuộc HĐQT 5. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.	Điều 29. Các tiểu ban thuộc HĐQT 5. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch tiểu ban đó.

Thứ 5: Phê duyệt Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty như sau:

Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty ("ESOP") đã được Đại hội đồng cổ đông ngày 31/03/2026 thông qua, được Hội đồng Quản trị ("HĐQT") triển khai thực hiện theo Nghị quyết HĐQT số 30/2026/NQ-HĐQT-REE ngày 09/06/2026 và Công ty đã tiến hành nộp hồ sơ đăng ký phát hành cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tuy nhiên, theo ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương án phát hành cổ phiếu ESOP của Công ty cần điều chỉnh, bổ sung nội dung để đảm bảo đáp ứng theo quy định tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/09/2025. Do vậy, để đảm bảo đợt phát hành cổ phiếu ESOP của Công ty đáp ứng theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành, Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua việc Công ty tiếp tục triển khai Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty với nội dung chi tiết như sau:

A- Mục đích phát hành:

Ghi nhận sự đóng góp của các nhân viên có đóng góp tích cực vào thành tích kinh doanh của toàn Công ty và Công ty con năm 2025, thúc đẩy hiệu suất làm việc, đồng thời tăng cường sự gắn kết của cá nhân với hiệu quả hoạt động và sự phát triển bền vững lâu dài của Công ty và Công ty con.

B- Phương án phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động:

(sau đây gọi tắt là "Chương trình ESOP năm 2025")

1. Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh
2. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh.
3. Mã chứng khoán: REE.
4. Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông.
5. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
6. Vốn điều lệ hiện tại: 6.228.990.360.000 đồng.
7. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 622.899.036 cổ phiếu.
8. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 622.899.036 cổ phiếu.
9. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 500.000 cổ phiếu.
10. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành / số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 0,08% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.
11. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 5.000.000.000 đồng.
12. Số lượng cổ phiếu dự kiến sau phát hành: 623.399.036 cổ phiếu.
13. Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 6.233.990.360.000 đồng.
14. Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
15. Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
16. Tiêu chuẩn người lao động tham gia Chương trình ESOP năm 2025:
 Tiêu chuẩn để người lao động tham gia Chương trình ESOP năm 2025 phải là người lao động thỏa các tiêu chí sau:
 - Là thành viên Ủy ban chiến lược giữ vai trò trụ cột trong việc xây dựng chiến lược và tham gia điều hành xuyên suốt quá trình thực thi chiến lược tại Công ty, hoặc là người lao động đảm nhiệm chức vụ trong Ban điều hành, quản lý/chuyên viên/người phụ trách quản trị công ty có đóng góp nổi bật vào kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty/Công ty con;

- Có thời gian làm việc liên tục tại Công ty/Công ty con từ hai mươi bốn (24) tháng trở lên tính đến ngày 10/07/2026;
- Có khả năng phát triển và tiềm năng đóng góp vào sự phát triển bền vững của Công ty và/hoặc Công ty con trong tương lai.

17. Đối tượng phát hành:

Đối tượng phát hành (sau đây gọi tắt là “CBNV”) bao gồm các Nhóm đối tượng sau đáp ứng tiêu chuẩn người lao động tham gia Chương trình ESOP năm 2025 nêu trên và mỗi CBNV chỉ được xếp vào một Nhóm đối tượng duy nhất theo vai trò chính, trường hợp một CBNV đáp ứng tiêu chí của nhiều Nhóm đối tượng thì áp dụng trên nguyên tắc không phân bổ trùng lặp:

Nhóm đối tượng	Tổng số cổ phiếu dự kiến phân bổ
Nhóm 1 Dành cho thành viên Ủy ban chiến lược giữ vai trò trụ cột trong việc xây dựng chiến lược và điều hành thực thi chiến lược năm 2025 tại Công ty.	191.500
Nhóm 2 Dành cho Ban điều hành cấp cao của Công ty (Công ty mẹ) gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.	68.000
Nhóm 3 Dành cho các vị trí công tác sau: - Trưởng phòng, Trưởng ban, Quản lý, Chuyên viên, Người phụ trách quản trị của Công ty (Công ty mẹ). - Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc, Giám đốc chức năng, Kế toán trưởng, Trưởng phòng, Quản lý của Công ty con có lợi nhuận lớn (*). - Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Giám đốc chức năng, Kế toán trưởng, Trưởng ban, Trưởng phòng của Công ty con có lợi nhuận trung bình (**). - Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng khối, Trưởng xưởng của Công ty con có lợi nhuận nhỏ (***).	240.500
Tổng cộng	500.000

(*) Công ty con có lợi nhuận lớn là Công ty con đạt lợi nhuận sau thuế năm 2025 trên 150 tỷ đồng.

(**) Công ty con có lợi nhuận trung bình là Công ty con đạt lợi nhuận sau thuế năm 2025 từ 20 tỷ đồng đến 150 tỷ đồng.

(***) Công ty con có lợi nhuận nhỏ là Công ty con đạt lợi nhuận sau thuế năm 2025 dưới 20 tỷ đồng.

Các đối tượng **không được tham gia** vào đợt phát hành bao gồm:

- Công ty/Công ty con đã nhận được văn bản về việc nghỉ/thôi việc của người lao động;
- Công ty/Công ty con đã nhận được văn bản về việc chấm dứt hợp đồng lao động, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, ... của đơn vị quản lý người lao động;
- Đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc đang nghỉ việc không có lý do chính đáng;
- Đang trong thời gian tạm đình chỉ công việc/chức vụ theo Quyết định của cấp có thẩm quyền;
- Đang bị xem xét xử lý kỷ luật trên cơ sở đã có đề nghị bằng văn bản của cấp có thẩm quyền;
- Đang trong thời gian bị xử lý kỷ luật.

18. Nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu phân phối cho từng CBNV:

18.1 Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 500.000 cổ phiếu, được xác định theo ba (03) Nhóm đối tượng với công thức xác định số cổ phiếu ESOP được phân phối cho từng CBNV như sau:

$$\text{Số lượng cổ phiếu phân bổ mỗi CBNV được mua} = \frac{\text{Tổng số cổ phiếu dự kiến phân bổ cho Nhóm đối tượng}}{\text{Tổng số điểm cá nhân của các CBNV thuộc Nhóm đối tượng}} \times \text{Điểm cá nhân của mỗi CBNV thuộc Nhóm đối tượng}$$

Trong đó:

Nhóm 1:

- Tổng số cổ phiếu dự kiến phân bổ cho Nhóm 1 là 191.500 cổ phiếu.
- Điểm cá nhân của mỗi CBNV thuộc Nhóm 1 là 1 và được xác định dựa trên mức độ đóng góp vào chiến lược, điều hành thực thi chiến lược và kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty.

Nhóm 2:

- Tổng số cổ phiếu dự kiến phân bổ cho Nhóm 2 là 68.000 cổ phiếu.
- Điểm cá nhân của mỗi CBNV thuộc Nhóm 2 được xác định theo chức vụ, chi tiết như sau:

Nhóm 2	Điểm cá nhân (theo chức vụ)
Tổng Giám đốc	10,00
Phó Tổng Giám đốc	10,00
Kế toán trưởng	2,67

Nhóm 3:

- Tổng số cổ phiếu dự kiến phân bổ cho Nhóm 3 là 240.500 cổ phiếu.
- Điểm cá nhân của mỗi CBNV thuộc Nhóm 3 căn cứ vào: (i) tiêu chuẩn và đối tượng đã nêu tại mục B-16 và B-17, (ii) kết quả KPI năm 2025 đạt từ 100% trở lên, (iii) điểm vai trò trách nhiệm theo chức danh/cấp bậc, (iv) phân loại hiệu quả công việc dựa trên mức đạt KPI năm 2025 của Công ty/Công ty con.

Điểm cá nhân của mỗi CBNV thuộc Nhóm 3 được tính bằng công thức sau:

Điểm cá nhân của mỗi CBNV = Điểm vai trò trách nhiệm + Điểm hiệu quả (KPI)

Trong đó, điểm vai trò trách nhiệm và điểm hiệu quả (KPI) được xác định như sau:

Công ty/ Công ty con	Chức danh/cấp bậc	Điểm vai trò trách nhiệm
Công ty (Công ty mẹ)	Trưởng phòng, Trưởng ban	5,0
	Quản lý	3,0
	Chuyên viên, Người phụ trách QT công ty	0,0
Công ty con có lợi nhuận lớn	Chủ tịch, Giám đốc, Giám đốc chức năng	7,0
	Trưởng phòng đầu tư	5,0
	Phó Giám đốc, Trưởng phòng (khác), Kế toán trưởng, Quản lý dự án	3,0
	Quản lý (khác)	0,0
Công ty con có lợi nhuận trung bình	Chủ tịch, Giám đốc	3,0
	Phó Giám đốc, Giám đốc chức năng	1,0
	Kế toán trưởng, Trưởng ban, Trưởng phòng	0,0
Công ty con có lợi nhuận nhỏ	Chủ tịch, Giám đốc	1,0
	Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng khối, Trưởng xưởng	0,0

Đánh giá kết quả KPI năm 2025	Điểm hiệu quả (KPI)
KPI đạt 100%	1,5
KPI đạt trên 100% đến 105%	2,0
KPI đạt trên 105% đến 110%	2,5
KPI đạt trên 110%	3,0

- 18.2 Số lượng cổ phiếu phân bổ cho từng CBNV được làm tròn đến đơn vị hàng trăm. Cụ thể, trường hợp số lượng cổ phiếu lẻ dưới 50 cổ phiếu thì được làm tròn xuống, trường hợp số lượng cổ phiếu lẻ từ 50 cổ phiếu trở lên thì được làm tròn lên. Trong trường hợp có phát

sinh số lượng cổ phiếu lẻ do làm tròn theo các công thức tính nêu trên và phát sinh số lượng cổ phiếu do chênh lệch giữa tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành (500.000 cổ phiếu) và tổng số lượng cổ phiếu CBNV được mua theo các công thức tính nêu trên, Đại hội đồng cổ đông đồng ý ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định phân phối số lượng cổ phiếu này cho một hoặc một số đối tượng là CBNV với mức giá chào bán bằng với mức giá phát hành cho CBNV.

18.3 Đại hội đồng cổ đông đồng ý ủy quyền và giao cho Hội đồng Quản trị phê duyệt danh sách CBNV được quyền mua cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được mua cho từng CBNV theo các tiêu chí và nguyên tắc nêu trên khi tham gia Chương trình ESOP năm 2025.

19. Hạn chế chuyển nhượng: Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động là cổ phiếu phổ thông bị hạn chế chuyển nhượng 3 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành và được giải tỏa dần theo lộ trình với tỷ lệ như sau:

- 30% số cổ phiếu phát hành được tự do chuyển nhượng sau 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành;
- 30% số cổ phiếu phát hành được tự do chuyển nhượng sau 2 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành;
- 40% số cổ phiếu phát hành được tự do chuyển nhượng sau 3 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm do Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và/hoặc thưởng cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu/cổ phiếu quỹ (nếu có) mà các CBNV được nhận phát sinh từ số lượng cổ phiếu của Chương trình ESOP năm 2025 sẽ được tự do chuyển nhượng.

20. Thời gian dự kiến phát hành: Dự kiến trong năm 2026, thời gian phát hành cụ thể giao cho Hội đồng Quản trị quyết định và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

21. Phương án xử lý trong trường hợp không chào bán hết: Đại hội đồng cổ đông đồng ý ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tiếp tục phân phối cho một hoặc một số CBNV khác với mức giá chào bán không thấp hơn giá 10.000 đồng/cổ phiếu đối với số lượng cổ phiếu do CBNV không đăng ký mua hết. Số lượng cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng theo đúng điều kiện đã nêu tại mục số 19 nêu trên.

Đại hội đồng cổ đông đồng ý ủy quyền và giao cho Hội đồng Quản trị phê duyệt danh sách chi tiết CBNV được mua tiếp đối với số cổ phiếu không chào bán hết và thời gian thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

22. Xử lý cổ phiếu ESOP khi CBNV nghỉ hưu hoặc chấm dứt hợp đồng lao động: Trường hợp CBNV nghỉ hưu theo chế độ, hoặc bị tai nạn, bệnh tật dẫn đến không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động; hay khi Công ty hoặc Công ty con chấm dứt hợp đồng lao động với CBNV và CBNV đang sở hữu cổ phiếu đã mua theo Chương trình ESOP năm 2025 còn trong thời gian hạn chế chuyển nhượng thì số cổ phiếu CBNV đã mua theo Chương trình ESOP năm 2025 không bị Công ty thu hồi/mua lại nhưng vẫn bị hạn chế chuyển nhượng như tại mục số 19 nêu trên.

23. Phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Đại hội đồng cổ đông đồng ý giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

24. Tăng vốn điều lệ Công ty: Tăng vốn điều lệ Công ty tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phiếu thực tế được phát hành.

25. Đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung: Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sau khi kết thúc đợt phát hành theo đúng quy định.

C- Ủy quyền thực hiện:

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua việc giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các công việc liên quan để hoàn thành phương án phát hành nêu trên, bao gồm:

- Triển khai thực hiện phát hành và phân phối cổ phiếu theo phương án phát hành;
- Quyết định chi tiết nội dung phương án phát hành và/hoặc sửa đổi, bổ sung các nội dung chi tiết, thủ tục triển khai khi cần thiết theo tình hình thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của cơ quan

có thẩm quyền, với điều kiện không làm thay đổi các nội dung cơ bản đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và không trái quy định pháp luật hiện hành;

- Lựa chọn thời điểm thích hợp để phát hành cổ phiếu sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu;
- Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, danh sách người lao động được tham gia chương trình và số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng trên cơ sở các tiêu chuẩn người lao động tham gia chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Quyết định xử lý cổ phiếu chưa chào bán hết của đợt phát hành, cổ phiếu lẻ (nếu có);
- Thông qua việc tăng vốn điều lệ và triển khai các công việc, thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với tổng mệnh giá cổ phiếu thực tế phát hành sau khi hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định của pháp luật;
- Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc toàn bộ công việc cụ thể nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Chủ trì Đại hội



Nguyễn Thị Mai Thanh



**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH**

Hôm nay, ngày 10/07/2026, Hội đồng Quản trị ("HĐQT") Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") – địa chỉ 364 Cộng Hòa, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300741143 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh mới nhất vào ngày 08/06/2026 – triệu tập Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") bất thường năm 2026.

Thời gian: 08 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 07 năm 2026
Địa điểm: Hội trường tòa nhà e.town
364 Cộng Hòa, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Chương trình Đại hội: Như nội dung Chương trình đính kèm

I - THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ TÍNH HỢP PHÁP, HỢP LỆ CỦA CUỘC HỌP ĐHĐCĐ

Thành phần tham dự:

- Các cổ đông Công ty
- Hội đồng Quản trị:
Bà Nguyễn Thị Mai Thanh
Ông Lee Liang Whye
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình
Ông Mark Andrew Hutchinson
Ông Đỗ Lê Hùng

Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội:

Ban tổ chức đại hội báo cáo tình hình cổ đông tham dự:

- Tổng số cổ phiếu phổ thông đã phát hành là 622.899.036 cổ phiếu do 24.984 cổ đông sở hữu;
- Số cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm 7 giờ 58 phút ngày 10/07/2026 là 108 cổ đông, đại diện cho 426.573.409 cổ phiếu, chiếm tỷ trọng 68,48% trên tổng số 622.899.036 cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành.

Căn cứ Khoản 1 Điều 145 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Khoản 1 Điều 18 Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh đủ điều kiện để tiến hành.

II - DIỄN TIẾN ĐẠI HỘI

A - Thủ tục tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ

Ban tổ chức Đại hội giới thiệu:

Đoàn chủ tịch gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Mai Thanh – Chủ tọa
2. Ông Lee Liang Whye – Thành viên
3. Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình – Thành viên

Ban thư ký gồm:

1. Bà Trần Kim Linh
2. Ông Cao Tuấn Dũng
3. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương

Ban kiểm phiếu biểu quyết:

1. Ông Quách Vĩnh Bình – Trưởng ban
2. Ông Đặng Quang Vinh – Thành viên
3. Ông Nguyễn Vũ Phú – Thành viên

Đại hội thống nhất ý kiến với tỷ lệ chấp thuận 100% thành phần Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu được đề cử.

B – Trình Đại hội các tờ trình

Đoàn chủ tịch đã cập nhật kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2026 và trình bày các tờ trình sau đây tại Đại hội đồng cổ đông:

Thứ 1: Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.

Thứ 2: Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Thứ 3: Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Thứ 4: Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Thứ 5: Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty.

Cập nhật tình hình cổ đông tham dự đại hội:

Tổng số cổ đông tham dự ĐHĐCĐ đến 9 giờ 33 phút là 204 cổ đông, đại diện cho 483.543.900 cổ phiếu, chiếm 77,63% trên tổng số 622.899.036 cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành.

C - Thảo luận:

Tất cả các câu hỏi, các vấn đề thảo luận liên quan đến các nội dung chính nêu trên đã được Đoàn chủ tịch và đại diện Ban điều hành Công ty giải đáp, trả lời rõ ràng cho cổ đông ngay tại Đại hội.

D – Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

Kết thúc phần thảo luận, Cổ đông tham dự Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua các tờ trình.

Sau đây là báo cáo kết quả biểu quyết cho từng vấn đề:

Thứ 1: Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027 đối với bà Nguyễn Thị Mai Thanh và ông Ashok Ramachandran kể từ thời điểm kết thúc Đại hội đồng cổ đông ngày 10/07/2026.

Tỷ lệ biểu quyết như sau:

Tán thành	472.712.858 cổ phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,98% số cổ phiếu của các cổ đông tham dự và biểu quyết
Không tán thành	98.954 cổ phiếu	Chiếm tỷ lệ 0,02% số cổ phiếu của các cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến	3.600 cổ phiếu	Chiếm tỷ lệ 0,00% số cổ phiếu của các cổ đông tham dự và biểu quyết

Thứ 2: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua những nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung
1	Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT 1. Số lượng thành viên HĐQT là 07 (bảy) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 (năm) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải đảm bảo ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT độc lập. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT 1. Số lượng thành viên HĐQT tối thiểu là 05 (năm) người và tối đa là bảy (07) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 (năm) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải đảm bảo ít nhất 01 (một) thành viên HĐQT độc lập nếu HĐQT có 05 (năm) thành viên và tối thiểu là 02 (hai) thành viên HĐQT độc lập nếu HĐQT có trên 05 (năm) đến 07 (bảy) thành viên. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Số thành viên HĐQT không điều hành tối thiểu 01 (một) thành viên nếu HĐQT có 05 (năm) thành viên, và tối thiểu là 02 (hai) thành viên nếu HĐQT có trên 05 (năm) đến 07 (bảy) thành viên.
2	Điều 29. Các tiểu ban thuộc HĐQT 5. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.	Điều 29. Các tiểu ban thuộc HĐQT 5. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch tiểu ban đó.

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung
3	Điều 58. Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm 58 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh nhất trí sửa đổi, bổ sung và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này tại ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 03 năm 2026. 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị./.	Điều 58. Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm 58 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh nhất trí sửa đổi, bổ sung và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này tại ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 07 năm 2026. 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật Công ty./.

Đại hội đã nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Tán thành	472.712.858 cổ phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,98% số cổ phiếu của các cổ đông tham dự và biểu quyết
Không tán thành	98.954 cổ phiếu	Chiếm tỷ lệ 0,02% số cổ phiếu của các cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến	3.600 cổ phiếu	Chiếm tỷ lệ 0,00% số cổ phiếu của các cổ đông tham dự và biểu quyết

Thứ 3: Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua những nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị như sau:

1- Bổ sung Điều 3.18 Mục D:

3.18 HĐQT thành lập Ủy ban Chiến lược (“UBCL”) với tư cách là cơ quan tham mưu, tư vấn và phản biện cấp cao nhất cho HĐQT và BDH. Chủ tịch UBCL do HĐQT bổ nhiệm, có thể là Thành viên HĐQT hoặc cá nhân, chuyên gia khác có uy tín, có năng lực chuyên môn đặc biệt hoặc có nhiều đóng góp trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty và Nhóm Công ty. Trách nhiệm của UBCL được quy định như sau:

- 3.18.1 Tư vấn và hỗ trợ HĐQT và BDH trong việc lập kế hoạch và hoạch định chiến lược toàn diện của Công ty ở cấp toàn Nhóm Công ty và các công ty thành viên, bao gồm tầm nhìn, sứ mệnh, các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn; đồng thời định hướng xây dựng các chính sách quản trị tài chính, huy động vốn và đầu tư của Công ty.
- 3.18.2 Giám sát việc thực hiện các chiến lược và chính sách đã được HĐQT phê duyệt.
- 3.18.3 Tư vấn và hỗ trợ HĐQT xây dựng các chính sách nhằm nâng cao năng lực tài chính, vốn, đầu tư và các chính sách cổ tức.
- 3.18.4 Thực hiện chức năng thẩm định và phản biện chuyên sâu đối với các vấn đề trọng yếu trước khi trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ phê duyệt. Các vấn đề này bao gồm: thay đổi các mục tiêu, định hướng, chiến lược kinh doanh quan trọng, triển khai loại hình kinh doanh mới, sửa đổi Điều lệ, các giao dịch mua bán và sáp nhập (M&A) và các dự án đầu tư hoặc các quyết định thay đổi vốn điều lệ, phát hành cổ phần, chứng quyền, hoặc phân loại lại chứng khoán, cơ cấu tổ chức của Công ty
- 3.18.5 Chủ tịch UBCL chịu trách nhiệm về hoạt động của UBCL. Chủ tịch UBCL được quyền tham dự tất cả các phiên họp định kỳ và bất thường của ĐHĐCĐ, HĐQT, BDH và đệ trình báo cáo, phát biểu ý kiến, tham luận và tư vấn đối với các nội dung liên quan đến chiến lược, đầu tư, mua bán sáp nhập (M&A) và phân bổ nguồn lực của Công ty.
- 3.18.6 UBCL ban hành quy chế hoạt động để quy định chi tiết thẩm quyền, cơ cấu, và quy trình hoạt động trình HĐQT phê duyệt.
- 3.18.7 Nhiệm kỳ của các thành viên UBCL theo nhiệm kỳ của HĐQT.

3.18.8 Các nhiệm vụ, quyền hạn khác của UBCL được quy định tại Quy chế hoạt động của UBCL.

2- Sửa đổi Điều 4.1 Phần IV và Phần IX:

Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung
IV. NHIỆM KỲ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HĐQT 4.1 Hội đồng quản trị có bảy (07) thành viên.	IV. NHIỆM KỲ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HĐQT 4.1 Hội đồng quản trị có tối thiểu năm (05) thành viên và tối đa là bảy (07) thành viên.
IX. QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÔNG TY THÀNH VIÊN 9.1 HĐQT của Công ty mẹ đóng vai trò dẫn dắt quản trị Nhóm Công ty một cách hiệu quả, bao gồm hoạt động quản trị tại các Công ty thành viên. 9.1.1 Để bảo đảm việc quản trị hiệu quả ở cấp độ Nhóm Công ty, REE Corporation xác định cấu trúc Nhóm Công ty, phân công thẩm quyền trong Nhóm Công ty một cách phù hợp dựa trên cơ sở: (i) Xem xét việc tách một đơn vị kinh doanh trong Nhóm Công ty thành một đơn vị có tư cách pháp nhân riêng như là Công ty thành viên hay duy trì như là một đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ. Quyết định này dựa trên cơ sở xem xét các yếu tố như quản lý rủi ro, xác định bộ phận chịu trách nhiệm, tính linh hoạt và nhanh chóng trong việc ra quyết định, chi phí phát sinh và các yếu tố khác có liên quan. (ii) Hướng tới sự cân bằng giữa việc tập trung hóa, duy trì kiểm soát tại Công ty mẹ và phân quyền cho các Công ty thành viên. (iii) Bảo đảm tối ưu hóa trong nguồn lực tài chính và kinh doanh để tạo ra giá trị lớn hơn cho Nhóm Công ty thay vì đơn thuần là các giá trị cộng gộp từ các Công ty thành viên trong Nhóm Công ty. 9.1.2 Thực thi việc giám sát hoạt động một cách phù hợp tại các Công ty thành viên: (i) Chiến lược chung của Nhóm Công ty, triết lý quản lý, các giá trị và quy tắc ứng xử trong Nhóm Công ty được chia sẻ đến các Công ty thành viên. Nhân viên quản lý cấp cao tại Công ty thành viên cần thường xuyên truyền đạt những thông điệp này trực tiếp cho nhân viên. (ii) Hướng dẫn xây dựng chính sách Nhóm Công ty và thủ tục cho các vấn đề then chốt (như thương hiệu, các vấn đề liên quan đến môi trường, xã hội, thủ tục kiểm soát, chính sách kế toán, tuân thủ và các vấn đề khác). (iii) Việc giám sát và quản lý Công ty thành viên dựa theo nguyên tắc tiếp cận dựa trên rủi ro (nghĩa là, đánh giá rủi ro của từng Công	IX. QUẢN TRỊ NHÓM CÔNG TY 9.1 Định nghĩa Theo mục đích của Phần IX này, các thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau: 9.1.1 “Người đại diện vốn” có nghĩa là cá nhân được bổ nhiệm để đại diện cho phần vốn đầu tư của Công ty mẹ tại một công ty trong Nhóm Công ty. 9.1.2 “Nhóm Công ty” có nghĩa là Công ty mẹ và từng công ty con do Công ty mẹ sở hữu toàn bộ, các công ty bị kiểm soát và các công ty liên kết. Mỗi thực thể trong Nhóm Công ty được gọi là một công ty trong Nhóm Công ty, và gọi chung là các công ty trong Nhóm Công ty. 9.1.3 “Người được đề cử” có nghĩa là cá nhân do Công ty mẹ bổ nhiệm hoặc đề cử làm Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc/giám đốc, thành viên ban kiểm soát tại Công ty thành viên hoặc giữ bất kỳ chức danh quản lý nào tại một Công ty thành viên. 9.1.4 “Công ty mẹ” có nghĩa REE Corporation. 9.2 Mối quan hệ giữa Công ty mẹ và các Công ty thành viên trong Nhóm Công ty 9.2.1 HĐQT Công ty mẹ lãnh đạo hiệu quả công tác quản trị của Nhóm Công ty, bao gồm cả việc quản trị các Công ty thành viên. 9.2.2 Nhằm đảm bảo công tác quản trị hiệu quả tại Nhóm Công ty, Công ty mẹ xác định cơ cấu của Nhóm Công ty và phân cấp thẩm quyền phù hợp trong nội bộ Nhóm Công ty trên cơ sở: (i) Xem xét việc tách một đơn vị kinh doanh trong Nhóm Công ty thành một đơn vị có tư cách pháp nhân riêng như là Công ty thành viên hay duy trì như là một đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ. Quyết định này dựa trên cơ sở xem xét các yếu tố như quản lý rủi ro, xác định bộ phận chịu trách nhiệm, tính linh hoạt và nhanh chóng trong việc ra quyết định, chi phí phát sinh

Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung
ty thành viên theo quy mô và lĩnh vực kinh doanh mà công ty đó hoạt động). (iv) Xem xét phân cấp quyền ra quyết định từ Công ty mẹ cho các Công ty thành viên. Đồng thời có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT chuyên trách của Công ty mẹ làm thành viên HĐQT tại các Công ty con để đảm bảo hiệu quả quản lý và giám sát. (v) Tổ chức các cuộc họp thường xuyên giữa đại diện Công ty mẹ và các Công ty thành viên để nắm bắt tình hình thực hiện mục tiêu và kết quả hoạt động. Bảo đảm trao đổi chủ động giữa các BDH tại Công ty mẹ và Công ty thành viên. HĐQT Công ty mẹ chịu trách nhiệm giám sát tính thường xuyên và hiệu quả trong các trao đổi này. (vi) Công ty thành viên báo cáo đầy đủ và phù hợp lên Công ty mẹ: Các Công ty thành viên thiết lập khung báo cáo nội bộ thích hợp, đầy đủ, kịp thời và chính xác trên cơ sở Công ty mẹ có toàn quyền truy cập vào hệ thống thông tin tại Công ty thành viên, được đảm bảo thông tin liên lạc liên tục, cung cấp một cách có tổ chức. Trên cơ sở khung báo cáo nội bộ, Công ty mẹ xác định trước các thông tin quan trọng, không giới hạn trong các thông tin hoạt động chính và tần suất của các thông tin này. (vii) Công ty mẹ có quyền quyết định bổ nhiệm/đề cử các thành viên HĐQT làm thành viên HĐQT tại các Công ty thành viên. Đồng thời HĐQT của Công ty mẹ có quyền quyết định bổ nhiệm các thành viên quản lý cấp cao của Công ty mẹ làm thành viên HĐQT/HĐTV/KBS và các vị trí khác trong BDH tại các Công ty thành viên.	và các yếu tố khác có liên quan. (ii) Hướng tới sự cân bằng giữa việc tập trung hóa, duy trì kiểm soát tại Công ty mẹ và phân quyền cho các Công ty thành viên. (iii) Bảo đảm tối ưu hóa trong nguồn lực tài chính và kinh doanh để tạo ra giá trị lớn hơn cho Nhóm Công ty thay vì đơn thuần là các giá trị cộng gộp từ các Công ty thành viên trong Nhóm Công ty. 9.2.3 Để thực thi việc giám sát một cách phù hợp các hoạt động tại các Công ty thành viên, HĐQT Công ty mẹ: (i) Chiến lược chung của Nhóm Công ty, triết lý quản lý, các giá trị và quy tắc ứng xử trong Nhóm Công ty được chia sẻ đến các Công ty thành viên. Nhân viên quản lý cấp cao tại Công ty thành viên cần thường xuyên truyền đạt những thông điệp này trực tiếp cho nhân viên. (ii) Hướng dẫn xây dựng chính sách Nhóm Công ty và thủ tục cho các vấn đề then chốt (như thương hiệu, các vấn đề liên quan đến môi trường, xã hội, thủ tục kiểm soát, chính sách kế toán, tuân thủ và các vấn đề khác). (iii) Việc giám sát và quản lý Công ty thành viên dựa theo nguyên tắc tiếp cận dựa trên rủi ro (nghĩa là, đánh giá rủi ro của từng Công ty thành viên theo quy mô và lĩnh vực kinh doanh mà công ty đó hoạt động). (iv) Xem xét phân cấp quyền ra quyết định từ Công ty mẹ cho các Công ty thành viên; bổ nhiệm các Người đại diện vốn để đại diện cho phần vốn đầu tư của Công ty mẹ tại các Công ty trong Nhóm Công ty; và/hoặc bổ nhiệm hoặc đề cử các Người được đề cử làm Chủ tịch hoặc thành viên hội đồng quản trị, Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc/Giám đốc, thành viên ban kiểm soát tại các Công ty thành viên hoặc giữ bất kỳ chức danh quản lý nào tại một Công ty thành viên nhằm đảm bảo công tác quản lý và giám sát hiệu quả. (v) Tổ chức các cuộc họp thường xuyên giữa đại diện Công ty mẹ và các Công ty thành viên để nắm bắt tình hình thực hiện mục tiêu và kết quả hoạt động. Bảo đảm trao đổi chủ động giữa các BDH tại Công ty mẹ và Công ty thành viên. HĐQT Công ty mẹ chịu trách nhiệm giám sát tính thường
9.1.3 Quản lý danh mục kinh doanh trong Nhóm Công ty một cách phù hợp: (i) Nhóm Công ty và Công ty mẹ tập trung xem xét: xây dựng tiêu chuẩn cho một khoản đầu tư mới (bao gồm giao dịch mua bán và sáp nhập), thời gian đánh giá dự án, quyết định rút khỏi hoạt động kinh doanh không hiệu quả và không phải là cốt lõi; và làm rõ đơn vị, quy trình cần được đánh giá. (ii) HĐQT Công ty mẹ phê duyệt các quyết định thành lập mới hoặc mua lại để sở hữu công ty khác, đặc biệt với các quyết định liên quan đến mua lại chiến lược, tham gia vào ngành kinh doanh mới của Nhóm Công ty.	

Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung
9.1.4 HĐQT Công ty mẹ đóng vai trò giám sát việc thực hiện quản lý rủi ro và khủng hoảng: (i) Giám sát việc xây dựng hệ thống quản lý rủi ro trong toàn Nhóm Công ty, với các biện pháp cụ thể như hướng dẫn xây dựng quy tắc nội bộ, hạ tầng thông tin, quy tắc tuân thủ văn hóa Nhóm Công ty và triết lý quản lý. (ii) Quản lý cấp cao tại Công ty mẹ thường xuyên phổ biến thông điệp về văn hóa quản trị trong Nhóm Công ty và tính tuân thủ. (iii) Soát xét kênh báo cáo trực tiếp về pháp lý và tuân thủ giữa Công ty thành viên và Công ty mẹ, tách biệt với kênh báo cáo hoạt động kinh doanh thông thường để đảm bảo tính độc lập. (iv) Bảo đảm kênh báo cáo độc lập của bộ phận kiểm toán nội bộ trực tiếp đến HĐQT thông qua UBKT của Công ty mẹ. Xác định cơ chế kiểm toán nội bộ tại Công ty thành viên một cách phù hợp trên cơ sở kiểm toán nội bộ của Công ty mẹ trực tiếp thực hiện các cuộc kiểm toán tại Công ty thành viên. (v) Dưới sự giám sát của HĐQT Công ty mẹ, BĐH các Công ty thành viên chịu trách nhiệm xây dựng quy trình quản lý, xử lý khủng hoảng. HĐQT của Công ty thành viên phải chịu trách nhiệm chính về các vấn đề tuân thủ và quy định liên quan đến khủng hoảng xảy ra tại Công ty thành viên đó; tuy nhiên, Công ty mẹ giữ vai trò dẫn dắt trong việc xây dựng các biện pháp khắc phục để ngăn chặn sự tái diễn ở cấp độ Nhóm Công ty.	xuyên và hiệu quả trong các trao đổi này. (vi) Thiết lập và duy trì khung báo cáo nội bộ để đảm bảo kênh báo cáo phù hợp, đầy đủ, kịp thời và chính xác giữa các Công ty thành viên và Công ty mẹ. Các Công ty thành viên phải báo cáo cho HĐQT Công ty mẹ và HĐQT Công ty mẹ có quyền truy cập thông tin về tất cả các khía cạnh trọng yếu của các Công ty thành viên một cách liên tục và có tổ chức. HĐQT Công ty mẹ xác định trước các danh mục thông tin quan trọng mà các Công ty thành viên phải báo cáo, tần suất và thời hạn của các báo cáo đó. Các danh mục thông tin quan trọng có thể bao gồm, nhưng không giới hạn ở những thông tin sau: • thông tin chính liên quan đến tài chính và kế toán của các Công ty thành viên; • thông tin chính liên quan đến hoạt động kinh doanh và vận hành của các Công ty thành viên; • thông tin chính liên quan đến các dự án và kế hoạch đầu tư của các Công ty thành viên; • tất cả thông tin và tài liệu cần đệ trình lên các cơ quan quản trị của các Công ty thành viên để ra quyết định hoặc phê duyệt; • bất kỳ thông tin nào liên quan đến bất kỳ sự kiện, diễn biến hoặc hoàn cảnh nào đã, đang hoặc có thể có tác động bất lợi đến hoạt động, tình hình tài chính hoặc các nghĩa vụ tuân thủ của các Công ty thành viên. 9.2.4 HĐQT Công ty mẹ quản lý danh mục kinh doanh của Nhóm Công ty bằng cách: (i) Xây dựng các tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá đối với các khoản đầu tư mới, bao gồm các hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A); và quyết định việc rút vốn hoặc thoái vốn khỏi các hoạt động kinh doanh không hiệu quả hoặc không cốt lõi của Nhóm Công ty và phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của HĐQT Công ty mẹ trước khi Công ty trong Nhóm Công ty ra bất kỳ quyết định nào đối với các vấn đề này. (ii) Phê duyệt tất cả các quyết định về việc thành lập hoặc mua lại phần vốn góp/cổ phần tại bất kỳ Công ty thành viên nào trong Nhóm Công ty, và việc bất kỳ Công ty thành viên tham gia vào các lĩnh vực

Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung
	kinh doanh hoặc thị trường mới và phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của HĐQT Công ty mẹ trước khi Công ty trong Nhóm Công ty ra bất kỳ quyết định nào đối với các vấn đề này. (iii) Giám sát và quản lý việc sử dụng vốn đầu tư của Công ty mẹ tại các Công ty thành viên, bao gồm thông qua việc: • phân công nhiệm vụ và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các Người đại diện vốn và Người được đề cử của Công ty mẹ tại các Công ty thành viên; • yêu cầu Người đại diện vốn và Người được đề cử thông báo cho HĐQT Công ty mẹ bất kỳ thông tin trọng yếu nào họ nhận được khi thực hiện nhiệm vụ tại các Công ty thành viên và bất kỳ thông tin nào khác theo yêu cầu cụ thể của HĐQT Công ty mẹ; • yêu cầu Người đại diện vốn và Người được đề cử phải tham vấn và/hoặc xin phê duyệt trước từ HĐQT Công ty mẹ trước khi thực hiện quyền biểu quyết hoặc ra quyết định tại các Công ty thành viên đối với các vấn đề được quy định tại Điều lệ, Quy chế về thẩm quyền phê duyệt và Quy chế đề cử nhân sự của Hội đồng quản trị Công ty mẹ và bất kỳ vấn đề nào khác theo yêu cầu cụ thể của HĐQT Công ty mẹ. Người đại diện vốn phải thông báo trước cho HĐQT Công ty mẹ tối thiểu 05 ngày làm việc để HĐQT Công ty mẹ xem xét các vấn đề liên quan. 9.2.5 HĐQT Công ty mẹ giám sát việc thực hiện quản trị rủi ro và xử lý khủng hoảng trên toàn Nhóm Công ty bằng cách: (i) Giám sát việc xây dựng hệ thống quản trị rủi ro trên toàn Nhóm Công ty, bao gồm các biện pháp cụ thể như hướng dẫn xây dựng quy tắc nội bộ, hạ tầng thông tin, và các quy tắc về văn hóa tuân thủ cũng như triết lý quản lý. (ii) Đảm bảo rằng các quản lý cấp cao tại Công ty mẹ thường xuyên phổ biến các thông điệp về văn hóa quản trị doanh nghiệp và sự tuân thủ đến toàn Nhóm Công ty. (iii) Duy trì và đánh giá kênh báo cáo trực tiếp về pháp lý và tuân thủ giữa các Công ty thành viên và Công ty mẹ, tách biệt với kênh báo cáo kinh doanh thông thường,

Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung
	nhằm đảm bảo tính độc lập. (iv) Đảm bảo rằng bộ phận kiểm toán nội bộ có kênh báo cáo độc lập trực tiếp lên HĐQT Công ty mẹ thông qua UBKT của Công ty mẹ; xác định cơ chế kiểm toán nội bộ tại các Công ty thành viên, bao gồm các trường hợp mà bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty mẹ trực tiếp thực hiện kiểm toán tại các Công ty thành viên. (v) Yêu cầu ban giám đốc của các Công ty thành viên, dưới sự giám sát của HĐQT Công ty mẹ, xây dựng các quy trình quản lý và xử lý khủng hoảng. Mặc dù hội đồng quản trị hoặc cơ quan quản trị tương đương của các Công ty thành viên chịu trách nhiệm chính đối với các vấn đề tuân thủ và việc quản lý các khủng hoảng xảy ra tại các công ty đó, Công ty mẹ sẽ giữ vai trò chủ đạo trong việc xây dựng các biện pháp khắc phục nhằm ngăn ngừa việc tái diễn trên toàn Nhóm Công ty.

Đại hội đã nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Tán thành	472.712.858 cổ phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,98% số cổ phiếu của các cổ đông tham dự và biểu quyết
Không tán thành	98.954 cổ phiếu	Chiếm tỷ lệ 0,02% số cổ phiếu của các cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến	3.600 cổ phiếu	Chiếm tỷ lệ 0,00% số cổ phiếu của các cổ đông tham dự và biểu quyết

Thứ 4: Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua những nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty như sau:

Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung
Điều 14. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Số lượng thành viên HĐQT là 07 (bảy) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 (năm) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải đảm bảo ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT độc lập. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Số thành viên HĐQT không điều hành tối thiểu 02 thành viên.	Điều 14. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Hội đồng quản trị có tối thiểu năm (05) thành viên và tối đa là bảy (07) thành viên. Nhiệm kỳ của HĐQT là (05) năm năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 (năm) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải đảm bảo ít nhất 01 (một) thành viên HĐQT độc lập nếu HĐQT có 05 (năm) thành viên và tối thiểu là 02 (hai) thành viên HĐQT độc lập nếu HĐQT có trên 05 (năm) đến 07 (bảy) thành viên. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Số thành viên HĐQT không điều hành tối thiểu 01

Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung
	(một) thành viên nếu HĐQT có 05 (năm) thành viên và tối thiểu là 02 (hai) thành viên nếu HĐQT có trên 05 (năm) đến 07 (bảy) thành viên.
Điều 29. Các tiểu ban thuộc HĐQT 5. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.	Điều 29. Các tiểu ban thuộc HĐQT 5. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch tiểu ban đó.

Đại hội đã nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Tán thành	472.712.858 cổ phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,98% số cổ phiếu của các cổ đông tham dự và biểu quyết
Không tán thành	98.954 cổ phiếu	Chiếm tỷ lệ 0,02% số cổ phiếu của các cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến	3.600 cổ phiếu	Chiếm tỷ lệ 0,00% số cổ phiếu của các cổ đông tham dự và biểu quyết

Thứ 5: Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty như sau:

Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (“ESOP”) đã được Đại hội đồng cổ đông ngày 31/03/2026 thông qua, được Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) triển khai thực hiện theo Nghị quyết HĐQT số 30/2026/NQ-HĐQT-REE ngày 09/06/2026 và Công ty đã tiến hành nộp hồ sơ đăng ký phát hành cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tuy nhiên, theo ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương án phát hành cổ phiếu ESOP của Công ty cần điều chỉnh, bổ sung nội dung để đảm bảo đáp ứng theo quy định tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/09/2025. Do vậy, để đảm bảo đợt phát hành cổ phiếu ESOP của Công ty đáp ứng theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành, Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua việc Công ty tiếp tục triển khai Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty với nội dung chi tiết như sau:

A- Mục đích phát hành:

Ghi nhận sự đóng góp của các nhân viên có đóng góp tích cực vào thành tích kinh doanh của toàn Công ty và Công ty con năm 2025, thúc đẩy hiệu suất làm việc, đồng thời tăng cường sự gắn kết của cá nhân với hiệu quả hoạt động và sự phát triển bền vững lâu dài của Công ty và Công ty con.

B- Phương án phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động:

(sau đây gọi tắt là “Chương trình ESOP năm 2025”)

1. Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh
2. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh.
3. Mã chứng khoán: REE.
4. Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông.
5. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
6. Vốn điều lệ hiện tại: 6.228.990.360.000 đồng.
7. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 622.899.036 cổ phiếu.
8. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 622.899.036 cổ phiếu.
9. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 500.000 cổ phiếu.
10. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành / số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 0,08% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

11. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 5.000.000.000 đồng.
12. Số lượng cổ phiếu dự kiến sau phát hành: 623.399.036 cổ phiếu.
13. Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 6.233.990.360.000 đồng.
14. Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
15. Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
16. Tiêu chuẩn người lao động tham gia Chương trình ESOP năm 2025:
Tiêu chuẩn để người lao động tham gia Chương trình ESOP năm 2025 phải là người lao động thỏa các tiêu chí sau:
 - Là thành viên Ủy ban chiến lược giữ vai trò trụ cột trong việc xây dựng chiến lược và tham gia điều hành xuyên suốt quá trình thực thi chiến lược tại Công ty, hoặc là người lao động đảm nhiệm chức vụ trong Ban điều hành, quản lý/chuyên viên/người phụ trách quản trị công ty có đóng góp nổi bật vào kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty/Công ty con;
 - Có thời gian làm việc liên tục tại Công ty/Công ty con từ hai mươi bốn (24) tháng trở lên tính đến ngày 10/07/2026;
 - Có khả năng phát triển và tiềm năng đóng góp vào sự phát triển bền vững của Công ty và/hoặc Công ty con trong tương lai.
17. Đối tượng phát hành:
Đối tượng phát hành (sau đây gọi tắt là "**CBNV**") bao gồm các Nhóm đối tượng sau đáp ứng tiêu chuẩn người lao động tham gia Chương trình ESOP năm 2025 nêu trên và mỗi CBNV chỉ được xếp vào một Nhóm đối tượng duy nhất theo vai trò chính, trường hợp một CBNV đáp ứng tiêu chí của nhiều Nhóm đối tượng thì áp dụng trên nguyên tắc không phân bổ trùng lặp:

Nhóm đối tượng	Tổng số cổ phiếu dự kiến phân bổ
Nhóm 1 Dành cho thành viên Ủy ban chiến lược giữ vai trò trụ cột trong việc xây dựng chiến lược và điều hành thực thi chiến lược năm 2025 tại Công ty.	191.500
Nhóm 2 Dành cho Ban điều hành cấp cao của Công ty (Công ty mẹ) gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.	68.000
Nhóm 3 Dành cho các vị trí công tác sau: - Trưởng phòng, Trưởng ban, Quản lý, Chuyên viên, Người phụ trách quản trị của Công ty (Công ty mẹ). - Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc, Giám đốc chức năng, Kế toán trưởng, Trưởng phòng, Quản lý của Công ty con có lợi nhuận lớn (*). - Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Giám đốc chức năng, Kế toán trưởng, Trưởng ban, Trưởng phòng của Công ty con có lợi nhuận trung bình (**). - Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng khối, Trưởng xưởng của Công ty con có lợi nhuận nhỏ (***).	240.500
Tổng cộng	500.000

- (*) Công ty con có lợi nhuận lớn là Công ty con đạt lợi nhuận sau thuế năm 2025 trên 150 tỷ đồng.
- (**) Công ty con có lợi nhuận trung bình là Công ty con đạt lợi nhuận sau thuế năm 2025 từ 20 tỷ đồng đến 150 tỷ đồng.
- (***) Công ty con có lợi nhuận nhỏ là Công ty con đạt lợi nhuận sau thuế năm 2025 dưới 20 tỷ đồng.

Các đối tượng **không được tham gia** vào đợt phát hành bao gồm:

- Công ty/Công ty con đã nhận được văn bản về việc nghỉ/thôi việc của người lao động;

- Công ty/Công ty con đã nhận được văn bản về việc chấm dứt hợp đồng lao động, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, ... của đơn vị quản lý người lao động;
- Đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc đang nghỉ việc không có lý do chính đáng;
- Đang trong thời gian tạm đình chỉ công việc/chức vụ theo Quyết định của cấp có thẩm quyền;
- Đang bị xem xét xử lý kỷ luật trên cơ sở đã có đề nghị bằng văn bản của cấp có thẩm quyền;
- Đang trong thời gian bị xử lý kỷ luật.

18. Nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu phân phối cho từng CBNV:

18.1 Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 500.000 cổ phiếu, được xác định theo ba (03) Nhóm đối tượng với công thức xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng CBNV như sau:

$$\text{Số lượng cổ phiếu phân bổ mỗi CBNV được mua} = \frac{\text{Tổng số cổ phiếu dự kiến phân bổ cho Nhóm đối tượng}}{\text{Tổng số điểm cá nhân của các CBNV thuộc Nhóm đối tượng}} \times \text{Điểm cá nhân của mỗi CBNV thuộc Nhóm đối tượng}$$

Trong đó:

Nhóm 1:

- Tổng số cổ phiếu dự kiến phân bổ cho Nhóm 1 là 191.500 cổ phiếu.
- Điểm cá nhân của mỗi CBNV thuộc Nhóm 1 là 1 và được xác định dựa trên mức độ đóng góp vào chiến lược, điều hành thực thi chiến lược và kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty.

Nhóm 2:

- Tổng số cổ phiếu dự kiến phân bổ cho Nhóm 2 là 68.000 cổ phiếu.
- Điểm cá nhân của mỗi CBNV thuộc Nhóm 2 được xác định theo chức vụ, chi tiết như sau:

Nhóm 2	Điểm cá nhân (theo chức vụ)
Tổng Giám đốc	10,00
Phó Tổng Giám đốc	10,00
Kế toán trưởng	2,67

Nhóm 3:

- Tổng số cổ phiếu dự kiến phân bổ cho Nhóm 3 là 240.500 cổ phiếu.
- Điểm cá nhân của mỗi CBNV thuộc Nhóm 3 căn cứ vào: (i) tiêu chuẩn và đối tượng đã nêu tại mục B-16 và B-17, (ii) kết quả KPI năm 2025 đạt từ 100% trở lên, (iii) điểm vai trò trách nhiệm theo chức danh/cấp bậc, (iv) phân loại hiệu quả công việc dựa trên mức đạt KPI năm 2025 của Công ty/Công ty con.

Điểm cá nhân của mỗi CBNV thuộc Nhóm 3 được tính bằng công thức sau:

Điểm cá nhân của mỗi CBNV = Điểm vai trò trách nhiệm + Điểm hiệu quả (KPI)

Trong đó, điểm vai trò trách nhiệm và điểm hiệu quả (KPI) được xác định như sau:

Công ty/ Công ty con	Chức danh/cấp bậc	Điểm vai trò trách nhiệm
Công ty (Công ty mẹ)	Trưởng phòng, Trưởng ban	5,0
	Quản lý	3,0
	Chuyên viên, Người phụ trách quản trị công ty	0,0
Công ty con có lợi nhuận lớn	Chủ tịch, Giám đốc, Giám đốc chức năng	7,0
	Trưởng phòng đầu tư	5,0
	Phó Giám đốc, Trưởng phòng (khác), Kế toán trưởng, Quản lý dự án	3,0
	Quản lý (khác)	0,0

Công ty con có lợi nhuận trung bình	Chủ tịch, Giám đốc	3,0
	Phó Giám đốc, Giám đốc chức năng	1,0
	Kế toán trưởng, Trưởng ban, Trưởng phòng	0,0
Công ty con có lợi nhuận nhỏ	Chủ tịch, Giám đốc	1,0
	Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng khối, Trưởng xưởng	0,0

Đánh giá kết quả KPI năm 2025	Điểm hiệu quả (KPI)
KPI đạt 100%	1,5
KPI đạt trên 100% đến 105%	2,0
KPI đạt trên 105% đến 110%	2,5
KPI đạt trên 110%	3,0

- 18.2 Số lượng cổ phiếu phân bổ cho từng CBNV được làm tròn đến đơn vị hàng trăm. Cụ thể, trường hợp số lượng cổ phiếu lẻ dưới 50 cổ phiếu thì được làm tròn xuống, trường hợp số lượng cổ phiếu lẻ từ 50 cổ phiếu trở lên thì được làm tròn lên. Trong trường hợp có phát sinh số lượng cổ phiếu lẻ do làm tròn theo các công thức tính nêu trên và phát sinh số lượng cổ phiếu do chênh lệch giữa tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành (500.000 cổ phiếu) và tổng số lượng cổ phiếu CBNV được mua theo các công thức tính nêu trên, Đại hội đồng cổ đông đồng ý ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định phân phối số lượng cổ phiếu này cho một hoặc một số đối tượng là CBNV với mức giá chào bán bằng với mức giá phát hành cho CBNV.
- 18.3 Đại hội đồng cổ đông đồng ý ủy quyền và giao cho Hội đồng Quản trị phê duyệt danh sách CBNV được quyền mua cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được mua cho từng CBNV theo các tiêu chí và nguyên tắc nêu trên khi tham gia Chương trình ESOP năm 2025.
19. Hạn chế chuyển nhượng: Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động là cổ phiếu phổ thông bị hạn chế chuyển nhượng 3 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành và được giải tỏa dần theo lộ trình với tỷ lệ như sau:
- 30% số cổ phiếu phát hành được tự do chuyển nhượng sau 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành;
 - 30% số cổ phiếu phát hành được tự do chuyển nhượng sau 2 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành;
 - 40% số cổ phiếu phát hành được tự do chuyển nhượng sau 3 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
- Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm do Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và/hoặc thưởng cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu/cổ phiếu quỹ (nếu có) mà các CBNV được nhận phát sinh từ số lượng cổ phiếu của Chương trình ESOP năm 2025 sẽ được tự do chuyển nhượng.
20. Thời gian dự kiến phát hành: Dự kiến trong năm 2026, thời gian phát hành cụ thể giao cho Hội đồng Quản trị quyết định và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
21. Phương án xử lý trong trường hợp không chào bán hết: Đại hội đồng cổ đông đồng ý ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tiếp tục phân phối cho một hoặc một số CBNV khác với mức giá chào bán không thấp hơn giá 10.000 đồng/cổ phiếu đối với số lượng cổ phiếu do CBNV không đăng ký mua hết. Số lượng cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng theo đúng điều kiện đã nêu tại mục số 19 nêu trên.
- Đại hội đồng cổ đông đồng ý ủy quyền và giao cho Hội đồng Quản trị phê duyệt danh sách chi tiết CBNV được mua tiếp đối với số cổ phiếu không chào bán hết và thời gian thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

22. Xử lý cổ phiếu khi CBNV nghỉ hưu hoặc chấm dứt hợp đồng lao động: Trường hợp CBNV nghỉ hưu theo chế độ, hoặc bị tai nạn, bệnh tật dẫn đến không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động; hay khi Công ty hoặc Công ty con chấm dứt hợp đồng lao động với CBNV và CBNV đang sở hữu cổ phiếu đã mua theo Chương trình ESOP năm 2025 còn trong thời gian hạn chế chuyển nhượng thì số cổ phiếu CBNV đã mua theo Chương trình ESOP năm 2025 không bị Công ty thu hồi/mua lại nhưng vẫn bị hạn chế chuyển nhượng như tại mục số 19 nêu trên.
23. Phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Đại hội đồng cổ đông đồng ý giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
24. Tăng vốn điều lệ Công ty: Tăng vốn điều lệ Công ty tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phiếu thực tế được phát hành.
25. Đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung: Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sau khi kết thúc đợt phát hành theo đúng quy định.

C- Ủy quyền thực hiện:

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua việc giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các công việc liên quan để hoàn thành phương án phát hành nêu trên, bao gồm:

- Triển khai thực hiện phát hành và phân phối cổ phiếu theo phương án phát hành;
- Quyết định chi tiết nội dung phương án phát hành và/hoặc sửa đổi, bổ sung các nội dung chi tiết, thủ tục triển khai khi cần thiết theo tình hình thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, với điều kiện không làm thay đổi các nội dung cơ bản đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và không trái quy định pháp luật hiện hành;
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để phát hành cổ phiếu sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu;
- Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, danh sách người lao động được tham gia chương trình và số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng trên cơ sở các tiêu chuẩn người lao động tham gia chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Quyết định xử lý cổ phiếu chưa chào bán hết của đợt phát hành, cổ phiếu lẻ (nếu có);
- Thông qua việc tăng vốn điều lệ và triển khai các công việc, thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với tổng mệnh giá cổ phiếu thực tế phát hành sau khi hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định của pháp luật;
- Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc toàn bộ công việc cụ thể nêu trên.

Đại hội đã nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Tán thành	430.169.580 cổ phiếu	Chiếm tỷ lệ 90,98% số cổ phiếu của các cổ đông tham dự và biểu quyết
Không tán thành	42.610.996 cổ phiếu	Chiếm tỷ lệ 9,01% số cổ phiếu của các cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến	34.836 cổ phiếu	Chiếm tỷ lệ 0,01% số cổ phiếu của các cổ đông tham dự và biểu quyết

Loại trừ những người có quyền lợi liên quan không được tham gia biểu quyết (các thành viên Ủy ban chiến lược, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty), kết quả biểu quyết sau loại trừ như sau:

Tán thành	338.237.268 cổ phiếu	Chiếm tỷ lệ 88,80% số cổ phiếu của các cổ đông tham dự và biểu quyết
Không tán thành	42.610.996 cổ phiếu	Chiếm tỷ lệ 11,19% số cổ phiếu của các cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến	34.836 cổ phiếu	Chiếm tỷ lệ 0,01% số cổ phiếu của các cổ đông tham dự và biểu quyết

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh đã thành công tốt đẹp và kết thúc lúc 10 giờ 00 phút ngày 10/07/2026.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh sẽ được công bố thông tin và đăng tải trên trang web của Công ty (www.reecorp.com).

Chủ tọa



Nguyễn Thị Mai Thanh

Thư ký



Trần Kim Linh



Cao Tuấn Dũng



Huỳnh Thị Thùy Dương

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ

(Mẫu dành cho các trường hợp bổ nhiệm và/hoặc miễn nhiệm/từ nhiệm)

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam;
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.Hồ Chí Minh.

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 số 04/2026/ĐHĐCĐ-REE ngày 10 tháng 07 năm 2026 của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("REE"), chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của REE như sau:

Trường hợp miễn nhiệm/từ nhiệm:

- 1- Bà: Nguyễn Thị Mai Thanh
Chức vụ trước khi miễn nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Chủ tịch Ủy ban chiến lược
Không còn đảm nhận chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị
Chức vụ còn nắm giữ: Chủ tịch Ủy ban chiến lược
Lý do miễn nhiệm: từ nhiệm
Ngày bắt đầu có hiệu lực: 10/07/2026.
- 2- Ông: Ashok Ramachandran
Chức vụ trước khi miễn nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị
Không còn đảm nhận chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị
Sau khi miễn nhiệm, Ông Ashok Ramachandran không còn là người nội bộ của công ty.
Lý do miễn nhiệm: từ nhiệm
Ngày bắt đầu có hiệu lực: 10/07/2026.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của REE vào ngày 10/07/2026 tại đường dẫn: www.reecorp.com.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
Người được ủy quyền công bố thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Tài liệu đính kèm:
Nghị quyết ĐHĐCĐ
bất thường năm 2026.

Nguyễn Ngọc Thái Bình